

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch di truyền- Sinh học phân tử của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch di truyền- Sinh học phân tử”, gồm 147 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch di truyền- Sinh học phân tử” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch di truyền- Sinh học phân tử phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục KCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuyên

**DANH SÁCH HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
CHUYÊN NGÀNH HUYẾT HỌC- TRUYỀN MÁU- MIỄN DỊCH-
DI TRUYỀN- SINH HỌC PHÂN TỬ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2017/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
Chương I. Huyết học tế bào	
1.	Nhuộm hóa học tế bào
2.	Tìm ấu trùng giun chỉ (phương pháp thủ công)
3.	Tìm ký sinh trùng sốt rét (phương pháp thủ công)
4.	Nhuộm hoá mô miễn dịch mảnh sinh thiết tuỷ xương
5.	Nhuộm sợi xơ trong mô tuỷ xương (Phương pháp sợi Collagen Van Gieson)
6.	Nhuộm sợi liên võng trong mô tuỷ xương (Phương pháp Gomori)
7.	Xét nghiệm tế bào trong dịch não tuỷ (phương pháp thủ công)
8.	Xét nghiệm tế bào trong các loại dịch (phương pháp thủ công)
9.	Xét nghiệm tế bào nước tiểu (phương pháp thủ công)
10.	Xét nghiệm tế bào nước tiểu (bằng máy tự động)
11.	Đếm số lượng tiểu cầu bằng máy đếm tự động theo nguyên lý trở kháng và laser; quan sát độ tập trung tiểu cầu trên tiêu bản máu ngoại vi
12.	Tìm hồng cầu có chấm ur bazơ
13.	Tìm mảnh vỡ hồng cầu
14.	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm tự động)
15.	Xét nghiệm hồng cầu lưới (Bằng kỹ thuật nhuộm xanh sáng Cresyl)
16.	Tìm tế bào Hargrave
17.	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán mô học
18.	Chụp ảnh trên kính hiển vi kỹ thuật số và ghi đĩa
19.	Chụp ảnh trên kính hiển vi kỹ thuật số
Chương II. Đông cầm máu	
20.	Thời gian máu chảy (phương pháp Ivy)

21.	Nghiệm pháp dây thắt (phương pháp tăng áp)
22.	Phát hiện kháng đông đường ngoại sinh
23.	Định lượng Fibrinogen (phương pháp gián tiếp) bằng máy bán tự động/tự động
24.	Định lượng yếu tố XII (phương pháp 1 thì)
25.	Nghiệm pháp sinh Thromboplastin (TGT:Thromboplastin Generation Test)
26.	Định lượng ức chế yếu tố IX
27.	Định lượng hoạt tính Plasminogen
28.	Đo độ quán máu/huyết tương
29.	Phát hiện kháng đông đường chung
30.	Xét nghiệm phát hiện giảm tiểu cầu do Heparin (Heparin induced Thrombocytopenia)
31.	Định lượng kháng nguyên chất ức chế hoạt hóa Plasminogen 1 (PAI-1 antigen: Plasminogen activated inhibitor type 1 antigen)
Chương III. Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử	
32.	Định lượng kháng thể kháng nDNA (anti-nDNA) bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
33.	Định lượng kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
34.	Định tính kháng thể kháng dsDNA (bằng kỹ thuật ngưng kết latex)
35.	Định tính kháng thể kháng nhân bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
36.	Định lượng anti – $\beta 2$ glycoprotein bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
37.	Đếm tế bào gốc tạo máu CD34 ⁺ bằng máy phân tích tế bào dòng chảy (Flow Cytometry)
38.	Độ chéo trong ghép bằng máy phân tích tế bào dòng chảy (Flow Cytometry)
39.	Đếm tế bào lympho T-CD3, T-CD4, T-CD8 bằng kỹ thuật phân tích tế bào dòng chảy
40.	Xét nghiệm CD55/59 bạch cầu
41.	Điện di huyết sắc tố trên máy điện di mao quản
42.	Sức bền hồng cầu
43.	Tiền mẫn cảm bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
44.	Xét nghiệm gen bằng kỹ thuật FISH
45.	Nhuộm băng G nhiễm sắc thể
46.	Công thức nhiễm sắc thể tuỷ
47.	Công thức nhiễm sắc thể máu ngoại vi
48.	Cấy hỗn hợp tế bào lympho
49.	Phát hiện người mang gen Hemophilia (bằng kỹ thuật PCR-PFLP)
50.	Xét nghiệm FISH xác định nhiễm sắc thể X,Y

51.	Xét nghiệm FISH xác định nhiễm sắc thể Ph1 (BCR/ABL)
52.	Xét nghiệm FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 4;11
53.	Xét nghiệm FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 1;19
54.	Xét nghiệm FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 8;21
55.	Xét nghiệm FISH chẩn đoán chuyển đoạn NST 15;17
56.	Tách chiết DNA từ máu ngoại vi/máu cuống rốn
57.	Tách chiết RNA từ máu ngoại vi/tủy xương
58.	PCR chẩn đoán bệnh anpha thalassemia (05 đột biến)
59.	Kỹ thuật Nested RT-PCR phát hiện gen lai BCR/ABL
60.	Định lượng gen bệnh máu ác tính bằng kỹ thuật Real - Time PCR
61.	Xét nghiệm phát hiện sự tồn tại của gen bệnh bằng kỹ thuật RT-PCR
62.	Phát hiện gene JAK2 V617F bằng kỹ thuật AS- PCR
63.	Xét nghiệm phát hiện đột biến gene bằng kỹ thuật Multiplex PCR (phát hiện cùng lúc nhiều đột biến)
64.	Định lượng virus Cytomegalo (CMV) bằng kỹ thuật Real Time PCR
65.	Phát hiện đảo đoạn intron 22 của gen yếu tố VIII bệnh Hemophilia bằng kỹ thuật longrange PCR.

Chương IV. Truyền máu

66.	Xét nghiệm hòa hợp miễn dịch phát máu ở 22°C (kỹ thuật ống nghiệm)
67.	Nghiệm pháp coombs trực tiếp (phương pháp ống nghiệm)
68.	Nghiệm pháp coombs gián tiếp (phương pháp ống nghiệm)
69.	Định nhóm máu hệ Rh D (yếu) (kỹ thuật ống nghiệm)
70.	Xác định kháng nguyên C của hệ Rh (kỹ thuật ống nghiệm)
71.	Xác định kháng nguyên c của hệ Rh (kỹ thuật ống nghiệm)
72.	Xác định kháng nguyên E của hệ Rh (kỹ thuật ống nghiệm)
73.	Xác định kháng nguyên e của hệ Rh (kỹ thuật ống nghiệm)
74.	Xác định kháng nguyên K của hệ KELL (kỹ thuật ống nghiệm)
75.	Xác định kháng nguyên k của hệ KELL (kỹ thuật ống nghiệm)
76.	Xác định kháng nguyên Jka của hệ kidd (kỹ thuật ống nghiệm)
77.	Xác định kháng nguyên Jkb của hệ kidd (kỹ thuật ống nghiệm)
78.	Xác định kháng nguyên S của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
79.	Xác định kháng nguyên P1 của hệ P1PK (kỹ thuật ống nghiệm)
80.	Xác định kháng nguyên Lea của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
81.	Xác định kháng nguyên Leb của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
82.	Xác định kháng nguyên Kpa của hệ KELL (kỹ thuật ống nghiệm)
83.	Xác định kháng nguyên Kpb của hệ KELL (kỹ thuật ống nghiệm)
84.	Xác định kháng nguyên M của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
85.	Xác định kháng nguyên N của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
86.	Xác định kháng nguyên Fya của hệ DUFFY (kỹ thuật ống nghiệm)

87.	Xác định kháng nguyên Fyb của hệ DUFFY (kỹ thuật ống nghiệm)
88.	Xác định kháng nguyên s của hệ MNS (kỹ thuật ống nghiệm)
89.	Xác định kháng nguyên Lua của hệ Lutheran (kỹ thuật ống nghiệm)
90.	Xác định kháng nguyên Lub của hệ Lutheran (kỹ thuật ống nghiệm)
91.	Xác định kháng nguyên C của hệ Rh (phương pháp gelcard)
92.	Xác định kháng nguyên c của hệ Rh (phương pháp gelcard)
93.	Xác định kháng nguyên E của hệ Rh (phương pháp gelcard)
94.	Xác định kháng nguyên e của hệ Rh (phương pháp gelcard)
95.	Xác định kháng nguyên K của hệ KELL (phương pháp gelcard)
96.	Xác định kháng nguyên k của hệ KELL (phương pháp gelcard)
97.	Xác định kháng nguyên Kp ^a của hệ KELL (phương pháp gelcard)
98.	Xác định kháng nguyên Kp ^b của hệ KELL (phương pháp gelcard)
99.	Xác định kháng nguyên Fy ^a của hệ DUFFY (phương pháp gelcard)
100.	Xác định kháng nguyên Fy ^b của hệ DUFFY (phương pháp gelcard)
101.	Xác định kháng nguyên Jk ^a của hệ kidd (phương pháp gelcard)
102.	Xác định kháng nguyên Jk ^b của hệ kidd (phương pháp gelcard)
103.	Xác định kháng nguyên Le ^a của hệ LEWIS (phương pháp gelcard)
104.	Xác định kháng nguyên Le ^b của hệ LEWIS (phương pháp gelcard)
105.	Xác định kháng nguyên s của hệ MNS (phương pháp gelcard)
106.	Xác định kháng nguyên S của hệ MNS (phương pháp gelcard)
107.	Xác định kháng nguyên M của hệ MNS (phương pháp gelcard)
108.	Xác định kháng nguyên N của hệ MNS (phương pháp gelcard)
109.	Xác định kháng nguyên Lu ^a của hệ Lutheran (phương pháp gelcard)
110.	Xác định kháng nguyên Lu ^b của hệ Lutheran (phương pháp gelcard)
111.	Xác định kháng nguyên P1 của hệ P1PK (phương pháp gelcard)
112.	Xác định kháng nguyên D từng phần (D ^{VI}) (phương pháp gelcard)
113.	Sàng lọc kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)
114.	Sàng lọc kháng thể bất thường (phương pháp gelcard)
115.	Định danh kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)
116.	Định danh kháng thể bất thường (phương pháp gelcard)
117.	Gan tế bào máu từ máu ngoại vi (Dành cho người hiến máu thành phần)
Chương V. Công nghệ Tế bào gốc	
118.	Tuyển chọn người cho và huy động tế bào gốc
119.	Thu nhận máu dây rốn
120.	Thu nhận tế bào gốc từ máu ngoại vi sau huy động
121.	Thu nhận tế bào lympho từ người hiến
122.	Thu nhận tế bào gốc từ tủy xương
123.	Phân lập tế bào gốc bằng túi lấy máu
124.	Phân lập tế bào gốc từ máu dây rốn bằng phương pháp ly tâm có sử dụng

	HES
125.	Phân lập tế bào gốc bằng ống ly tâm 50ml, không sử dụng hóa chất
126.	Cô đặc và tinh sạch tế bào gốc bằng ống Res-Q60
127.	Phân lập tế bào gốc bằng phương pháp ly tâm phân lớp theo tỷ trọng sử dụng FICOLL
128.	Phân lập tế bào gốc bằng hệ thống tự động SEPAX
129.	Phân lập tế bào gốc máu dây rốn bằng hệ thống tự động AXP
130.	Phân lập tế bào gốc từ dịch hút tủy xương bằng máy COMTEC
131.	Phân lập tế bào gốc từ dịch hút tủy xương bằng máy HARVEST-TERUMO
132.	Bảo quản đông lạnh tế bào gốc tạo máu bằng bình nitơ lỏng
133.	Rã đông khối tế bào gốc đông lạnh
134.	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm xanh Tryban
135.	Nuôi cấy cụm tế bào gốc tạo máu
136.	Vận chuyển tế bào gốc sau bảo quản
137.	Định nhóm HLA độ phân giải cao bằng kỹ thuật SSO – Luminex
Chương VI. Huyết học lâm sàng	
138.	Trao đổi huyết tương
139.	Gạn bạch cầu điều trị
140.	Gạn tiểu cầu điều trị
141.	Truyền hóa chất đường tĩnh mạch
142.	Truyền máu tại giường
143.	Rút máu
144.	Chọc tủy sống lấy dịch não tủy làm xét nghiệm
145.	Chọc tủy sống tiêm hóa chất nội tủy
146.	Ghép tế bào gốc tạo máu tự thân
147.	Ghép tế bào gốc tạo máu đồng loại

(Tổng số 147 quy trình kỹ thuật)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Xuyên